

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO



THUYẾT MINH
PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BÈN VŨNG
VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO ĐẾN NĂM 2030



ĐƠN VỊ TƯ VẤN: Trung tâm Nghiên cứu rừng và đất ngập nước
(Trực thuộc Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam)

Viện Hải dương học
(Trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Côn Đảo - Năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO

THUYẾT MINH
PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BÈN VỮNG
VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO ĐẾN NĂM 2030

ĐƠN VỊ TƯ VẤN HỢP PHẦN BIÊN VIỆN HẢI ĐƯƠNG HỌC PHÓ VIỆN TRƯỞNG  <i>Hoàng Xuân Bền</i>	ĐƠN VỊ TƯ VẤN HỢP PHẦN RỪNG TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU BỆNH VÀ ĐẤT NGẬP NƯỚC  NGUYỄN CHÍ THÀNH
CHỦ RỪNG BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO GIÁM ĐỐC  NGUYỄN KHẮC PHO	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN GIÁM ĐỐC

NHỮNG NGƯỜI XÂY DỰNG BÁO CÁO:

TS.Nguyễn Chí Thành
TS.Lê Hữu Phú
PGS.TS.Võ Sĩ Tuấn
TS.Hoàng Xuân Bền
Và các cộng tác viên khác

Côn Đảo, năm 2020

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng.....	1
2. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.....	1
3. Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chủ rừng.....	3
4. Phạm vi quản lý	4
5. Căn cứ pháp lý.....	4
5.1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương.....	4
5.2. Văn bản của địa phương	5
6. Cam kết quốc tế	6
7. Tài liệu sử dụng	7
Phần 1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 120/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH TỔNG THỂ ĐẦU TƯ VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO GIAI ĐOẠN 2010-2020	8
1. Tóm tắt nội dung Quyết định 120.....	8
2. Đánh giá kết quả thực hiện các nội dung hoạt động bảo tồn rừng	8
2.1. Chương trình quản lý bảo vệ rừng.....	8
2.2. Chương trình phòng cháy chữa cháy rừng	9
2.3. Chương trình phục hồi hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển	10
2.4. Chương trình xây dựng vườn thực vật	10
2.5. Chương trình tuyên truyền, giáo dục và hỗ trợ dân cư.....	10
2.6. Thống kê hiện trạng cơ sở hạ tầng phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng.	12
3. Đánh giá kết quả thực hiện các nội dung hoạt động bảo tồn biển.....	12
3.1. Hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học biển và hiệu quả	12
3.2. Hoạt động bảo tồn rùa biển	15
4. Đánh giá hiện trạng rừng và sử dụng đất	15
5. Đánh giá về cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý VQG Côn Đảo	16
6. Đánh giá kết quả được cấp và sử dụng vốn đầu tư.....	18
7. Đánh giá chung về hiện trạng tài nguyên rừng và ĐDSH các hệ sinh thái rừng. ..	19
7.1. Quản lý rừng tự nhiên.....	19
7.2. Quản lý rừng trồng	19
7.3. Công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.....	19
7.4. Quản lý lâm sản ngoài gỗ	20
7.5. Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học	20

8. Đánh giá chung về hiện trạng tài nguyên biển và ĐDSH các hệ sinh thái biển.....	22
9. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công ích của chủ rừng trong ba (03) năm liên tiếp liền kề.	24
9.1. Về thực hiện phân loại đơn vị sự nghiệp công.	25
9.2. Các nguồn kinh phí hoạt động của chủ rừng, giai đoạn 2017 – 2019.	25
3. Hạng mục các nguồn chi của chủ rừng, giai đoạn 2017 – 2019	25
Phần 2. CÁC NỘI DUNG QUẢN LÝ BỀN VỮNG VQG CÔN ĐẢO GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030	27
1. Các mục tiêu	27
1.1. Mục tiêu chung	27
1.2. Mục tiêu cụ thể hợp phần rừng	27
1.3. Mục tiêu cụ thể hợp phần biển và đất ngập nước	28
2. Điều chỉnh phạm vi, ranh giới, diện tích VQG Côn Đảo	28
2.1. Mục đích chuyển đổi các phân khu chức năng	28
2.2. Các nguyên tắc chuyển đổi phân khu chức năng	29
2.3. Điều chỉnh phạm vi, ranh giới, diện tích hợp phần rừng	29
2.4. Điều chỉnh phân khu chức năng hợp phần biển	29
2.5. Phạm vi ranh giới, diện tích chung của VQG Côn Đảo sau khi điều chỉnh	30
3. Định hướng không gian phát triển các sản phẩm DLST đến năm 2030.	31
3.1. Chiến lược phát triển DLST ở VQG Côn Đảo	31
3.2. Định hướng không gian phát triển DLST ở VQG Côn Đảo	31
3.3. Nguyên tắc xây dựng công trình hạ tầng du lịch ở VQG Côn Đảo	31
4. Điều chỉnh các phân khu chức năng của VQG Côn Đảo	32
4.1. Điều chỉnh các phân khu chức năng của hợp phần rừng	32
4.2. Điều chỉnh các phân khu chức năng của hợp phần biển.	36
4.3. Vùng đệm hợp phần biển	41
4.4. Tổng hợp chung các phân khu chức năng của VQG Côn Đảo sau khi điều chỉnh	42
5. Các kế hoạch hoạt động để thực hiện Phương án quản lý bền vững VQG Côn Đảo đến năm 2030 đối với hợp phần rừng	42
5.1. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	43
5.2. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học	44
5.3. Kế hoạch phát triển, nuôi dưỡng rừng	48
5.4. Kế hoạch khai thác lâm sản	49
5.5. Kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực	49

5.6. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.....	50
5.7. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng.....	53
5.8. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng.....	56
5.9. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng và cho thuê môi trường rừng.....	56
5.10. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng.....	60
5. 11. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng.....	61
6. Các kế hoạch hoạt động bảo vệ, phát triển, sử dụng bền vững tài nguyên biển	64
6.1. Kế hoạch hoạt động bảo vệ, phát triển, sử dụng bền vững tài nguyên biển.....	64
6.2. Xây dựng chương trình quản lý, bảo vệ	65
6.3. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng.....	66
6.4. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ tài nguyên biển	66
6.5. Theo dõi diễn biến tài nguyên, đa dạng sinh học	67
7. Kế hoạch tự chủ tài chính của Ban quản lý VQG Côn Đảo	67
Phần 3. VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ BỀN VỮNG VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO.....	69
1. Vốn đầu tư cho các nội dung kế hoạch hoạt động của hợp phần rừng.....	69
1.1. Tổng hợp vốn đầu tư theo các nội dung hoạt động	69
1.2. Tổng hợp vốn đầu tư theo giai đoạn và năm	69
1.3. Tổng hợp vốn theo nguồn vốn đầu tư.....	70
2. Vốn đầu tư cho các nội dung kế hoạch hoạt động của hợp phần biển	70
2.1. Hạng mục đầu tư theo các nội dung hoạt động	70
2.2. Phân kỳ đầu tư theo giai đoạn và năm.....	71
2.3. Tổng hợp về phân nguồn vốn đầu tư.....	71
3. Tổng hợp chung vốn đầu tư.....	72
3.1. Phân kỳ đầu tư theo giai đoạn và năm.....	72
3.2. Tổng hợp chung về phân nguồn vốn đầu tư	72
Phần 4. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	73
1. Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực	73
2. Giải pháp phối hợp với các bên liên quan	73
3. Giải pháp về khoa học và công nghệ.....	74
4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư	74
5. Giải pháp về thị trường.....	75
6. Giải pháp về quản lý đất đai	75
7. Giải pháp về tổ chức.....	75

8. Kế hoạch giám sát	75
Phần 5. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN	77
1. Hiệu quả về kinh tế.....	77
2. Hiệu quả về xã hội.....	77
3. Hiệu quả về môi trường.....	77
Phần 6. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	79
PHẦN PHỤ LỤC	80

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 1. Số lượng người được tuyên truyền, giáo dục về bảo tồn ĐDSH và PCCCR	10
Bảng 2. Một số thông tin liên quan đến Trai Tai tượng và Ốc Đụn.....	14
Bảng 3. Một số thông số trung bình năm về sinh sản của rùa biển từ 2009 -2019	15
Bảng 4. Hiện trạng rừng VQG Côn Đảo năm 2019	16
Bảng 5. Tổng hợp vốn đã đầu tư giai đoạn 2009 - 2020	18
Bảng 6. Thành phần thực vật rừng tại VQG Côn Đảo	21
Bảng 7. Bảng tổng hợp các nguồn thu giai đoạn 2017 – 2019.....	25
Bảng 8. Bảng tổng hợp các nguồn chi giai đoạn 2017 – 2019	26
Bảng 9. Tọa độ các điểm ranh giới hợp phần biển của Vườn Quốc gia Côn Đảo	29
Bảng 10. Diện tích chung của BQL VQG Côn Đảo sau khi điều chỉnh	30
Bảng 11. Điều chỉnh các phân khu chức năng VQG Côn Đảo đến năm 2030.....	32
Bảng 12. Bảng chu chuyển giữa các phân khu chức năng VQG Côn Đảo	33
Bảng 13. Bảng tổng hợp diện tích chuyển đổi phân khu bảo vệ nghiêm ngặt	33
Bảng 14. Diện tích vị trí phân khu PHST chuyển sang phân khu DVHC	35
Bảng 15. Hiện trạng và điều chỉnh các phân khu bảo tồn biển	36
Bảng 16. Tọa độ vị trí các khu vực của phân khu bảo vệ nghiêm ngặt.....	37
Bảng 17. Diện tích, hiện trạng và điều chỉnh phân khu bảo vệ nghiêm ngặt.....	38
Bảng 18. Tọa độ vị trí các khu vực của phân khu phục hồi sinh thái	39
Bảng 19. Diện tích, hiện trạng và điều chỉnh phân khu phục hồi sinh thái.....	40
Bảng 20. Tọa độ vị trí các khu vực thuộc vùng đệm của khu Bảo tồn biển.....	41
Bảng 21. Tổng hợp chung các phân khu chức năng sau khi điều chỉnh	42
Bảng 22. Khối lượng, vị trí các hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng giai đoạn đến năm 2030	53
Bảng 23. Quy mô, diện tích, vị trí cho thuê môi trường rừng.....	58
Bảng 24. Dự kiến nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị	68
Bảng 25. Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư phân theo hạng mục	69
Bảng 26. Nguồn vốn đầu tư hợp phần rừng	70
Bảng 27. Các hạng mục đầu tư giai đoạn 2021 – 2030.....	71
Bảng 28. Nguồn vốn đầu tư hợp phần biển.....	71

DANH SÁCH CÁC HÌNH

Hình 1. Biến thiên độ phủ san hô cứng (HC) theo thời gian.....	13
Hình 2. Thay đổi độ phủ và mật độ cỏ biển ở Côn Đảo.....	13
Hình 3. Biến thiên mật độ các họ cá chủ yếu theo thời gian.....	14
Hình 4. Sơ đồ phân bố rạn san hô, thảm cỏ biển và nơi bắt gặp Bò biển ở Côn Đảo	24
Hình 5. Thông tin về bãi đẻ của rùa biển ở Côn Đảo	24
Hình 8. Sơ đồ các phân khu chức năng hợp phần biển và rừng sau khi điều chỉnh.....	42

DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1	BTTN	:	Bảo tồn thiên nhiên
2	BV&PTR	:	Bảo vệ và phát triển rừng
3	BVNN	:	Bảo vệ nghiêm ngặt
4	BVR	:	Bảo vệ rừng
5	CITES	:	Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora. Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp
6	ĐDSH	:	Đa dạng sinh học
7	DLST	:	Du lịch sinh thái
8	ĐNN	:	Đất ngập nước
9	DVHC	:	Dịch vụ - Hành Chính
10	DVMTR	:	Dịch vụ môi trường rừng
11	HCV	:	Khu rừng có giá trị bảo tồn cao
12	ILO	:	Tổ chức lao động quốc tế
13	IUCN	:	International Union for Conservation of Nature and Natural Resources. Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên
14	NN&PTNT	:	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
15	PCCCR	:	Phòng cháy chữa cháy rừng
16	PHST	:	Phục hồi sinh thái
17	PKCN	:	Phân khu chức năng
18	QLBVR	:	Quản lý bảo vệ rừng
19	SĐVN	:	Sách đỏ Việt Nam
20	UBND	:	Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng

Vườn quốc gia (VQG) Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu chính thức được thành lập theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/3/1993 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Khu rừng cấm Côn Đảo được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng thành lập tại Quyết định số 85/CT ngày 01/3/1984.

VQG Côn Đảo thuộc quần đảo Côn Đảo nằm ngoài khơi cách bờ biển Nam Việt Nam khoảng 80 km, quần đảo gồm 16 đảo nhỏ, đảo lớn nhất là Côn Sơn. Địa hình đảo Côn Sơn là vùng đồi núi, ưu thế bởi các dãy đá granit chạy từ phía Tây Nam đến Đông Bắc, che chở cho các vùng vịnh của đảo cả về hai phía khỏi những luồng gió mạnh. Những điểm cao nhất trên đảo là đỉnh Núi Thánh Giá và Núi Chúa, có độ cao 577 m và 515 m. Điểm cao nhất trên các đảo nhỏ là 350 m. Tuy nhiên, phần lớn vùng nước biển xung quanh các đảo chỉ sâu không quá 30m.

Qua 27 năm thành lập, Ban quản lý VQG Côn Đảo đã nỗ lực giữ gìn bảo tồn tài nguyên đa dạng sinh học rừng, biển, đất ngập nước và đã được các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế đánh giá cao và công nhận các danh hiệu VQG Côn Đảo là một Khu đất ngập nước quan trọng quốc tế, năm 2013 (Khu Ramsar); Là thành viên mạng lưới các Khu bảo tồn rùa biển Ấn Độ Dương – Đông Nam Á; Hiệp Hội bảo vệ thiên nhiên Việt Nam công nhận 02 cây Nhội và 01 cây Cóc Đỏ tại VQG Côn Đảo là Cây Di sản Việt Nam; Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam công nhận VQG Côn Đảo là nơi nuôi, ấp và thả về thiên nhiên nhiều rùa biển nhất Việt Nam; UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên – Môi trường đang trình hồ sơ đề cử để được công nhận là Vườn di sản ASEAN Côn Đảo.

Qua hơn 10 năm thực hiện Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch tổng thể đầu tư phát triển Vườn quốc gia Côn Đảo tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đến năm 2020, VQG Côn Đảo đã chú trọng vào các nội dung quan trọng như: Chương trình quản lý bảo vệ rừng, biển; Chương trình phòng cháy chữa cháy rừng; Chương trình phục hồi hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển; Chương trình xây dựng vườn thực vật; Chương trình tuyên truyền, giáo dục và hỗ trợ dân cư; Chương trình nghiên cứu khoa học, đào tạo phát triển nguồn nhân lực; Chương trình phát triển du lịch sinh thái. Bên cạnh đó VQG Côn Đảo cũng đã xây dựng đề án quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững khu Ramsar VQG Côn Đảo (QĐ số 1185/QĐ-UBND, ngày 13/5/2016); Xây dựng thành công mô hình bảo tồn rùa biển. Với các nội dung, chương trình hoạt động nêu trên, tài nguyên ĐDSH rừng và biển có sự tham gia của cộng đồng được bảo tồn, bảo vệ không bị suy giảm về số lượng và chất lượng; các hệ sinh thái tự nhiên của rừng và biển được phục hồi, phát triển; phát huy chức năng phòng hộ đầu nguồn, điều tiết, duy trì nguồn nước ngọt cho các hồ nước, nước ngầm để cung cấp cho các nhu cầu sinh hoạt và phát triển kinh tế của đảo. Qua đó, góp phần củng cố khả năng phòng thủ vùng hải đảo tiền tiêu khu vực phía Nam, là cơ sở để xây dựng Côn Đảo trở thành một trung tâm DLST và dịch vụ chất lượng cao, xứng tầm khu vực và quốc tế.

2. Sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững

VQG Côn Đảo có thành phần thực vật tương đối phong phú và đa dạng với 1.077 loài thực vật bậc cao thuộc 640 chi, 160 họ, trong đó có 420 loài thân gỗ, cây bụi 273 loài, dây leo 137, nhóm cây thân thảo 174 loài, khuyết thực vật 53 loài, thực vật phụ sinh

20 loài. Trong đó có 11 loài được các nhà khoa học lấy tên Côn Sơn đặt tên loài như Dầu Côn sơn (*Dipterocarpus condorensis*), Bưởi côn sơn (*Ilex condorensis*), Đọt dành Côn Sơn (*Pavetta condorensis*), Lầu Côn Sơn (*Psychotria condorensis*).... Một số loài được xếp vào danh mục quý hiếm như Lát hoa (*Chukrasia tabularis*), Găng nèo (*Manikara hexandra*) v.v.

Hệ động vật rừng Côn Đảo đến nay đã ghi nhận được 155 loài, trong đó lớp Thú chiếm 25 loài, chim 85 loài, bò sát 32 loài, lưỡng cư 13 loài. Một số động vật đặc hữu tại Côn Đảo như: Khỉ đuôi dài Côn Đảo (*Macaca fascicularis condorensis*), Sóc mun (*Callosciunis finlaysonii*), Sóc đen Côn Đảo (*Ratufa bicolor condorensis*), Thằn lằn giun (*Dibamus kondaoensis*), Thằn lằn người tròn (*Cnemaspis boulengeri*) và Rắn khiếm Côn đảo *Oligodon condaoensis* ... Khu hệ chim Côn Đảo còn chưa được nghiên cứu đầy đủ, tuy nhiên có một số loài chim mới chỉ xác định có phân bố ở Côn Đảo như loài Bò câu nicoba (*Caloenas nicobarica*), chim Diên bụng trắng (*Sula leucogaster*) và Gà mào trắng (*Ducula bicolor*). Hệ động vật có xương sống trên cạn mang tính độc đáo của vùng đảo xa đất liền với nhiều loài đặc hữu.

Thảm thực vật rừng VQG Côn Đảo có chức năng phòng hộ môi trường và phòng hộ nguồn nước cho huyện Côn Đảo. Ngoài giá trị về lịch sử, văn hóa, nhân văn, sinh thái và môi trường, rừng của Vườn quốc gia Côn Đảo còn là mái nhà của đảo.

Hệ sinh thái biển của VQG Côn Đảo cũng đa dạng và phong phú với nhiều hệ sinh thái đặc trưng như rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn. Các nghiên cứu đã xác định được khoảng 1.725 loài sinh vật biển thuộc các nhóm thực vật biển, sinh vật phù du, san hô, giun nhiều tơ, thân mềm, giáp xác, da gai, cá rạn san hô.... Trong đó có loài sinh vật nguy cấp, quý hiếm như: Thực vật (04) loài; thân mềm (16 loài); da gai (06 loài); san hô (12 loài); cá (24 loài); bò sát (02 loài là Vích và Đồi Mồi); chim biển (01 loài); thú (07 loài).

Quy hoạch tổng thể đầu tư phát triển VQG Côn Đảo theo Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ sẽ kết thúc vào năm 2020, bên cạnh đó, Luật Lâm nghiệp và các chính sách, chủ trương về lâm nghiệp, phát triển KT-XH ở địa phương đều có liên quan đến quản lý và sử dụng rừng đặc dụng có nhiều thay đổi:

+ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 đã được Quốc hội khóa XIV kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15/11/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 quy định: “Chủ rừng là tổ chức phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững” (Khoản 1 Điều 27). VQG Côn Đảo là một tổ chức chủ rừng phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững (QLRBV).

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (PTNT) đã ban hành Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về QLRBV. Theo đó, phương án QLRBV có thời gian thực hiện tối đa 10 năm với các nội dung: Đánh giá hiện trạng rừng, quản lý rừng và sử dụng đất; Xác định các mục tiêu quản lý rừng và hệ sinh thái bền vững; Xác định các nội dung hoạt động quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng, đất rừng và hệ sinh thái; Xác định các giải pháp thực hiện phương án, gồm giải pháp về vốn đầu tư (vốn ngân sách Nhà nước, tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng, thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế,...).

+ Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có thông báo số 9799/TB-BNN-VP ngày 31/12/2019 về kết luận của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Nguyễn Xuân Cường tại Hội nghị toàn quốc về công tác quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trong đó có đề